

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ-TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Tiễn

2. Bà Trần Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh D, sinh năm 1984; trú tại: Khối phố Mỹ A, phường An M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1978; trú tại: Khối phố Mỹ A, phường An M, thành phố T, tỉnh Quảng Nam

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Minh T kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên H, huyện Tiên P, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là chồng bà cờ bạc hay về đánh đập vợ con, bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi, nay bà không thể tiếp tục giữ mối quan hệ hôn nhân và tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có một con chung là Trần Quang M, sinh ngày 01/8/2009, nếu ly bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Minh T trình bày: Ông thừa nhận địa điểm kết hôn, thời gian kết hôn cũng như thừa nhận hôn nhân trên hoàn toàn tự nguyện; quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp và do điều kiện kinh tế không đảm bảo nên dẫn đến đời sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn. Nay vợ ông yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: có một con chung là Trần Quang M, sinh ngày 01/8/2009, nếu ly ông đồng ý giao con cho vợ chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Hội đồng xét xử xét xử theo luật định. Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh T theo quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến ông T, ông T có đơn xin vắng mặt tại các phiên làm việc hòa giải và phiên tòa. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo luật định.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh D với ông Trần Minh T thấy rằng:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh D đăng ký kết hôn vào ngày 11/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tiên H, Tiên P, Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống bà D cho rằng ông T cờ bạc, không chăm lo cho gia đình và đánh đập vợ con nên bà không thể hàn gắn được; ông T lại cho rằng do vợ chồng tính tình không hợp và do khó khăn kinh tế nên vợ chồng mâu thuẫn, bà D yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Hội đồng xét xử xét: Từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống vợ chồng nhưng không được các bên giải quyết kịp thời, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; nay xét mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân, bà D yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận thỏa thuận trên, bà D và ông T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có một con chung là Trần Quang M, sinh ngày 01/8/2009, ông T đồng ý giao con cho vợ chăm sóc nuôi dưỡng, cháu M hiện đang ở với mẹ, xét thỏa thuận trên là hợp lý nên cần ghi nhận thỏa thuận trên, bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Minh D phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh D đối với bị đơn ông Trần Minh T về việc ly hôn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh D và ông Trần Minh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quang M, sinh ngày 01/8/2009 cho bà Diệu trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi, trưởng thành. Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh D phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000908 ngày 20-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị Minh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11-6-2021), ông Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tiên H, Tiên P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

